

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Liêm
- Ông Nguyễn Văn Trí

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 688/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Bạch H**, sinh năm 1963; địa chỉ: **Ấp T, Kim trấn H, huyện C, tỉnh An Giang**; (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà **Dương Kim L**, sinh năm 1960; địa chỉ: **B, ấp T, Kim trấn H, huyện C, tỉnh An Giang**; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà **Trần Thị Bạch H** trình bày, do chỗ quen biết nên từ năm 2020, bà **Dương Kim L** có hỏi vay tiền của bà **Trần Thị Bạch H** nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 27/4/2020, bà **L** hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng;
Lần 2: Ngày 08/7/2020, bà **L** hỏi vay 50.000.000 đồng;
Lần 3: Ngày 10/6/2021, bà **L** hỏi vay 449.000.0000 đồng;
Lần 4: Ngày 17/01/2022, bà **L** hỏi vay 39.650.000 đồng;

Lần 5: Ngày 01/7/2022, bà L hỏi vay 20.000.000 đồng.

Tổng cộng 05 lần vay thì bà L nợ bà số tiền 578.650.0000 đồng. Nhưng bà H khởi kiện chỉ yêu cầu bà L trả tròn số tiền là 578.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với biên nhận nợ ngày 10/6/2021 số tiền 449.000.000 đồng trong biên nhận ghi tiền hui nhưng đây là tiền vay, thực tế không phát sinh quan hệ góp hui, mà giữa bà H và bà L thỏa thuận thống nhất ghi hình thức nhận tiền là quan hệ góp hui (do bà H tham gia góp hui với người khác, sau đó bà H hốt các dây hui này lấy tiền đưa cho bà L).

Bị đơn bà Dương Kim L trình bày, do chỗ hàng xóm và cần vốn để làm ăn nên bà L có hỏi vay của bà Trần Thị Bạch H nhiều lần với số tiền như bà H trình bày theo các biên nhận nợ mà bà H cung cấp là do bà L ký tên và xác định hiện nay còn nợ bà H số tiền 578.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền trên thì bà L đồng ý trả nhưng bà xin cho trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với biên nhận nợ ngày 10/6/2021, ghi tiền hui thống nhất với lời trình bày của bà H, đây là việc bà H chơi hui với người khác và lấy tiền hốt hui rồi cho bà L mượn lại nên đây là các khoản tiền bà L vay của bà H. Các khoản vay này thì bà có đóng lãi nhiều lần nhưng chỉ trình bày và không có chứng cứ để chứng minh cho việc đóng lãi và bà cũng không yêu cầu gì về tiền lãi mà bà đã đóng cho bà H, do đây là nghĩa vụ của người vay tiền nên bà không có yêu cầu gì về tiền lãi đã đóng cho bà H.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Trần Thị Bạch H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L trả cho bà H số tiền 578.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Dương Kim L1 trình bày: Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền trên thì bà L1 đồng ý trả nhưng bà L1 xin cho trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Do quen biết nên bà **Trần Thị Bạch H** có cho bà **Dương Kim L** vay tiền nhiều lần, có lập biên nhận, cụ thể: Ngày 27/4/2020, bà **L** vay 20.000.000 đồng; ngày 08/7/2020, bà **L** vay 50.000.000 đồng; ngày 10/6/2021, bà **L** vay 449.000.000 đồng, đây là tiền vay, thực tế không phát sinh quan hệ góp hội, mà giữa bà **H** và bà **L** thỏa thuận thống nhất ghi hình thức nhận tiền là quan hệ góp hội; ngày 17/01/2022, bà **L** vay 39.650.000 đồng, trong giấy biên nhận nợ có thể hiện hội, nhưng là tiền bà **H** cho bà **L** vay, do tự thỏa thuận miệng giữa bà **H** và bà **L** để ghi trên biên nhận là tiền hội; ngày 01/7/2022, bà **L** có vay số tiền 20.000.000 đồng. Nay bà **H** chỉ yêu cầu bà **L** trả tổng số tiền 578.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Phía bà **L** thừa nhận nhận có nợ bà **Trần Thị Bạch H** số tiền 578.000.000 đồng. Nhưng hiện nay, hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà **H** và bà **L** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện trên các biên nhận nợ và bà **L** thừa nhận. Do bà **L** không trả tiền đã vay, vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi nợ đến hạn nên bà **H** yêu cầu bà **L** trả tổng số tiền 578.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của bà **L**, thì bà **H** không đồng ý nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Bạch H**. Buộc bà **Dương Kim L** trả bà **Trần Thị Bạch H** số tiền 578.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà **Trần Thị Bạch H** khởi kiện yêu cầu bà **Dương Kim L** có nghĩa vụ trả nợ theo các biên nhận nợ mà bà **Dương Kim L** ký; chủ thể tham gia giao dịch không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp về dân sự. Đồng thời, bà **Dương Kim L** có nơi cư trú tại **ấp T, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của bà **H** yêu cầu bà **L** trả cho bà **H** số tiền 578.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Từ năm 2020, bà **Dương Kim L** có hỏi vay của bà **H** nhiều lần tiền cụ thể như sau: Ngày 27/4/2020, vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 08/7/2020, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 10/6/2021, vay số tiền 449.000.0000 đồng; ngày 17/01/2022, vay số tiền 39.650.000 đồng và ngày 01/7/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng 05 lần vay thì bà **L** nợ bà **H** số tiền 578.650.0000

đồng. Nhưng bà **H** khởi kiện chỉ yêu cầu bà **L** trả tròn số tiền là 578.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà **Dương Kim L** cũng thừa nhận còn nợ bà **H** số tiền 578.000.000 đồng và đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Xét thấy, việc xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, là hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà **Dương Kim L** không trả nợ cho ông bà **H** theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà **Dương Kim L** thừa nhận có nợ bà **Trần Thị Bạch H** số tiền nêu trên và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ; việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ và được bị đơn thừa nhận được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, việc bà **H** yêu cầu bà **Dương Kim L** có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 578.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản mà các bên đã giao kết; Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc bà **L** xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ bà **H** không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét, nếu có khó khăn về kinh tế thì bà có thể thỏa thuận phương thức thanh toán nợ cho bà **H** tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu nên không xét đến.

[2.2] Về án phí:

Bà **Dương Kim L** có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Bạch H** nên bà **Dương Kim L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà **Trần Thị Bạch H**, tuy nhiên bà **L** có đơn xin miễn nộp tiền án phí và bà **L** là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Bạch H.**

Buộc bà **Dương Kim L** có nghĩa vụ trả cho bà **Trần Thị Bạch H** số tiền 578.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Trần Thị Bạch H** là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn tạm ứng án phí.

Bà **Dương Kim L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 27.120.000 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), do bà **L** người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Phương Quyền